

Số: 306 /QĐ-VP

Tây Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tăng dự toán ngân sách năm 2025
của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh**

CHÁNH VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc tổ chức lại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh thành Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-VPQH ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Quốc hội về việc điều chỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (giữa Văn phòng Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tăng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh với số tiền là **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng) theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị và kế toán chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *Quản*

- Như điều 3;
- Văn phòng Quốc hội;
- Vụ Kế hoạch – Tài chính, VPQH;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Thị Kim Chi
Thị Kim Chi

Đơn vị: VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH TÂY NINH

Chương: 002



ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kèm theo Quyết định số...306.../QĐ-VP ngày...16.../4/2025
của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	50.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	50.000.000
1	Chi quản lý hành chính	50.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	50.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	